

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/05/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

2. Ông Trần Hoàng Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05C/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn C, sinh năm 1985 địa chỉ: Thôn A, xã X, thị xã S, Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Chị Phạm Thị Thanh H (chị H) trình bày: Chị H và anh Bùi Văn C (anh C) tự nguyện tìm hiểu, đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh

Đắc Lắc; do sai sót của cán bộ đăng ký nên trên Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không ghi nhận ngày tháng năm đăng ký; chị H nhớ vợ chồng đăng ký kết hôn vào năm 2002. Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, anh C thường xuyên nhậu, không lo làm ăn, không chia sẻ kinh tế cùng chị nuôi các con. Anh C và chị H đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không ai chăm sóc, hỏi han nhau. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh C, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn anh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Thanh C - sinh ngày 01/11/2008 và Bùi Thị Thanh N – sinh ngày 27/9/2004. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các con chung do chị H nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị H; chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật; chị H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh C có hộ khẩu thường trú tại Thôn A, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H, anh C có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký

kết hôn tại UBND xã E, huyện A, tỉnh Đắk Lắk (do sai sót của cán bộ đăng ký nên trên Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn không ghi nhận ngày tháng năm đăng ký) đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị H xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng không có sự chia sẻ, anh C không lo làm ăn, không cùng chị nuôi các con, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Lời trình bày của chị H đúng với thông tin do chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh chị sinh sống cung cấp tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 09/12/2020. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ anh C tuy anh C không đến nhưng tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/8/2020, tại mục người làm đơn có chữ ký của anh C. Do đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh C không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh C.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Bùi Thị Thanh C - sinh ngày 01/11/2008 và Bùi Thị Thanh N – sinh ngày 27/9/2004. Từ thời điểm chị H và anh C sống ly thân cho đến nay, các con chung do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của các cháu nên HĐXX chấp nhận. Theo đó, buộc anh C phải cấp dưỡng cho mỗi cháu mỗi tháng một tháng lương cơ sở, tức 1.490.000đ/cháu/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị đơn anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Chị Phạm Thị Thanh H được ly hôn anh Bùi Văn C.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Thị Thanh C - sinh ngày 01/11/2008 và Bùi Thị Thanh N – sinh ngày 27/9/2004. Giao cháu Bùi Thị Thanh C - sinh ngày

01/11/2008 và cháu Bùi Thị Thanh N – sinh ngày 27/9/2004 cho Chị Phạm Thị Thanh H nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn C phải cấp dưỡng nuôi con chung 1.490.000đ/tháng/cháu (*Một triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*). Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 5/2021 cho đến khi phát sinh một trong các căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Bùi Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn Chị Phạm Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005029 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn anh Bùi Văn C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Eakhăl, Eahleo, Đắc Lắc (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên